

Chúa Trịnh Sâm: Tiểu sử và sự nghiệp thơ ca¹

Nguyễn Mạnh Hoàng^(*)

Tóm tắt: Bài viết giới thiệu tổng quan về tiểu sử, sự nghiệp của chúa Trịnh Sâm, một tác giả quân vương rất đáng chú ý ở Việt Nam thời trung đại; đồng thời khảo sát tình hình văn bản tác phẩm thơ ca của ông cũng như đưa ra những nhận định khái quát về giá trị các tác phẩm đó. Từ đó, bài viết đề xuất một số hướng nghiên cứu về tác giả và tác phẩm thơ ca Trịnh Sâm trong thời gian tới.

Từ khóa: Trịnh Sâm, Tiểu sử, Sự nghiệp thơ ca, Văn bản tác phẩm, Giá trị tác phẩm

Abstract: This paper aims to introduce the biography and poetry career of the Lord Trịnh Sâm, a remarkable monarchical author in medieval Vietnam. Besides that, the paper examines his poetry texts and proposes general comments on the values of those works. Thus, the paper recommends some directions for studying the author Trịnh Sâm and his poetry works in the coming time.

Keywords: Trịnh Sâm, Biography, Poetry Career, Texts of Works, Values of Works

Ngày nhận bài: 23/7/2025; Ngày duyệt đăng: 01/10/2025

1. Mở đầu

Chúa Trịnh Sâm (1739-1782) là một tác gia văn học tiêu biểu thời Lê Trung hưng. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa có nhiều công trình nghiên cứu riêng, có hệ thống và chuyên sâu về tiểu sử, sự nghiệp thơ ca của chúa Trịnh Sâm, cho dù những thành tựu văn bản học Hán Nôm, sử học về vị chúa tài danh này ngày càng cho thấy có nhiều tư liệu và thông tin mới. Với tư cách là một tác gia tiêu biểu của “Dòng thơ văn Trịnh Phủ”, cuộc đời và sự nghiệp thi ca của chúa Trịnh Sâm rất cần được quan tâm

tìm hiểu một cách thấu đáo để góp phần bổ khuyết cho bức tranh văn học sử thời Lê Trung hưng.

2. Vài nét về tiểu sử Trịnh Sâm

Trong các chúa Trịnh, có lẽ Tĩnh Đô vương Trịnh Sâm là vị chúa có tiểu sử và sự nghiệp đáng chú ý hơn cả.

Trịnh Sâm là con trưởng của Minh Đô vương Trịnh Doanh (1720-1767) và Thù phi Nguyễn Thị Ngọc Diễm (1721-1784). Trịnh Sâm từ thuở nhỏ đã nổi tiếng thông minh và ham học. Cha ông lại cẩn trọng trong việc nuôi dạy con nên đã bổ dụng hai Nho sĩ nổi tiếng đương thời là Dương Công Chú và Nguyễn Hoàn làm thầy dạy. Năm 1753, theo đề nghị từ quần thần, Trịnh Doanh lập Trịnh Sâm làm Thế tử, lại cử Tham tụng Nguyễn Công Thái làm Sư phó để dạy bảo. Năm 1758, Trịnh Sâm được phong chức Thái úy, tước Tĩnh quốc công,

¹ Bài viết là sản phẩm của Nhiệm vụ khoa học cấp Bộ “Thơ văn các chúa Trịnh: diện mạo và đặc điểm” (2025-2026), do TS. Nguyễn Mạnh Hoàng chủ nhiệm, Viện Thông tin Khoa học xã hội chủ trì.
(*) TS., Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
Email: hoangnguyennhn261280@gmail.com

cho mở phủ Lượng quốc, bắt đầu tham gia chính trị. Năm 1767, Trịnh Sâm nổi ngôi chúa, sau được tiến phong là Đại nguyên súy Tổng quốc chính Tĩnh Đô vương. Theo Phan Huy Chú (2007: 255), ngay khi lên cầm quyền, Trịnh Sâm “cho phép các triều trước là nhỏ hẹp, nên việc chính thường tự quyết đoán, phần nhiều không theo lệ cũ, cầm giữ chính quyền, cất nhắc anh tài, văn trị sửa sang ở trong, vũ công chống chọi ở ngoài. Bình được giặc Hưng Hóa diệt được giặc Trấn Ninh; thu lại Nam Hà, chính giáo lừng lẫy khắp nơi, bốn cõi yên ổn, công lao rực rỡ hơn các đời trước”. Còn Phan Trần Chúc (1943: 10) nhận định: “Về văn học, thì không bao giờ chúng ta được thịnh vượng như các đời Trịnh Doanh, Trịnh Sâm. Nếu Việt Nam còn được ít nhiều sách vở để khỏi hổ với hai tiếng ‘quốc học’, chính là nhờ ở những vị chúa thông minh và hiếu học ấy (...) Trịnh Sâm ham học và thông minh rất sớm. Những thơ, văn ông làm ra đều hàm súc những ý tưởng rất rộng rãi và sâu xa. Nét bút của ông thì mạnh mẽ, các danh bút sau này ít ai bì kịp”.

Tuy nhiên, Trịnh Sâm cũng được sử sách nhắc tới như một vị chúa “lắm tài nhưng cũng nhiều tật”, đặc biệt là “những tai tiếng” về lúc cuối đời như việc quá sủng ái Tuyên phi Đặng Thị Huệ, phế con trưởng lập con thứ,... gây ra mầm mống sụp đổ cho họ Trịnh. Đặc biệt, việc Trịnh Sâm chen ép vua Lê và bức hại Thái tử Lê Duy Vĩ (?-1771) gây xôn xao dư luận đương thời. Bởi những việc này, Trịnh Sâm bị sử gia Nho giáo (nhà Nguyễn) phê phán rất nặng.

Một số tài liệu lịch sử cũng như các sáng tác văn học, các bộ phim lịch sử đời sau (*Đêm hội long trì, Kiếp phù du...*) khi nói về Trịnh Sâm cũng thường miêu tả ông như một vị chúa chuyên quyền, hoang dâm, xa xỉ,... và xem đó là nguồn gốc suy vi của

triều đại Lê - Trịnh. Thực tế, Trịnh Sâm là nhân vật lịch sử phức tạp cần có cái nhìn nhiều chiều mới đánh giá đúng.

Có thể nói, Trịnh Sâm là vị chúa mạnh mẽ, thông minh, quyết đoán, văn võ song toàn. Ở ngôi chúa từ năm 1767 đến năm 1782, tuy luôn bận rộn chính sự và mãi mê chinh chiến để khẳng định quyền lực của bản thân và dòng họ, nhưng chúa Trịnh Sâm luôn có ý thức khôi phục, kiến thiết xã hội văn hóa. Là người ham mê và có tài năng văn học, ông đã để lại nhiều tác phẩm quý giá cho hậu thế, đặc biệt là mảng thơ Nôm. Trịnh Sâm cũng là một trong số hiếm các vị đế vương gây dựng một nền văn học rực rỡ. Thời Trịnh Sâm có các nhân tài về chính trị và văn chương như Lê Quý Đôn, Ngô Thì Sĩ, Nguyễn Huy Oánh, Nguyễn Khản, Ngô Thì Nhậm, Bùi Huy Bích, Hồ Sĩ Đống, Phạm Nguyễn Du, Hoàng Đình Bảo,... Tất cả đã giúp Trịnh Sâm điều hành chính sự quốc gia tạo nên một xã hội tương đối yên ổn và phát triển về văn hóa, văn học.

3. Tình hình văn bản tác phẩm thơ ca của Trịnh Sâm

Thơ ca của Trịnh Sâm trước hết được chép trong sử sách. Chẳng hạn, theo *Đại Việt sử ký tục biên*, chúa Trịnh Sâm nghĩ tướng sĩ đánh giặc chịu lao khổ, bèn tự làm bài thơ quốc âm để ủy lạo: “*Đã mấy năm nay áng chiến trường/ Nhọc nhằn thay bấy kẻ cần vương/ Cờ mao đủ nhuộm màu lam chường/ Áo sắt thêm dày vết tuyết sương/ Nghìn dặm quyết không hơi bụi thảm/ Muôn năm đặt khỏe thể âu vàng/ Thẻ ban đã tỏ công lệnh ấy/ Thẻ tắt niềm Chu tả một chương*” (Quốc sử quán triều Lê, 2012: 327). Hoặc năm 1776 chúa Trịnh Sâm “nghĩ tướng sĩ đạo Thuận Hóa đánh giặc, đóng lại lâu ngày khó nhọc, sai làm bài văn chữ Nôm, sai Tuân Sinh hầu Nguyễn Khắc Tuân đem đi Phú Xuân tuyên dụ tướng sĩ (...) Lại đem một bài văn tề, giao cho quan

Trần thủ Thuận Hóa. Đặt đàn tế các tướng sĩ chết trận, chết bệnh” (Quốc sử quán triều Lê, 2012: 398). Hay năm 1777 khi làm lễ cầu mưa ở lầu Kính Thiên, chúa “thành tâm mật khấn” làm câu đối ở phủ đường rằng: “*Thiềm thượng hữu thanh thiên, thiên thị thính tư dân thị thính. Thành trung giai xích tử, tử cơ hàn diệc ngã cơ hàn*” (Trời xanh trên nóc, trời trông nghe tự dân có trông nghe/ con đỏ trong thành, con đỏ rét bởi ta làm đói rét) (Quốc sử quán triều Lê, 2012: 417). Sách này còn chép thơ chúa Trịnh Sâm ban tặng các đại thần như Xuân Quận công Nguyễn Nghiễm, Tham tụng Nguyễn Hoàn,... khi họ về hưu, để bày tỏ sự lưu luyến.

Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí* cũng nói về các thi phẩm của Trịnh Sâm như: “*Tâm thanh tồn duy tập*: Thơ của Tĩnh vương [Trịnh Sâm] làm từ khi còn là thế tử, sau khi lên ngôi chúa, mới chép lại thành tập và tự làm tựa...”, *Nam tuần ký trình thi* có một quyển gồm “Các bài đề vịnh của Tĩnh vương (Trịnh Sâm) trong khi đi miền Nam, do các triều thần biên tập in ra”, *Tây tuần ký trình thi* có một quyển, gồm “Các bài đề vịnh của Tĩnh vương [Trịnh Sâm] làm ra trong khi về Thanh Hoa, do các triều thần biên tập in ra” (Phan Huy Chú, 2007: 489-490). Phan Huy Chú cũng chép một số bài thơ đề vịnh của Trịnh Sâm.

Trước năm 1945, có lẽ chỉ duy học giả Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố (1889-1947) giới thiệu và phiên âm thơ ca chúa Trịnh Sâm. Năm 1934, trên Kỷ yếu của Hội Trí tri, Nguyễn Văn Tố dựa vào các tài liệu Hán Nôm trong thư viện của Học viện Viễn Đông Bác cổ giới thiệu *Tâm thanh tồn duy tập* và phiên âm 16 bài thơ Nôm của Trịnh Sâm: *Thơ chơi động Hương Tích*, *Thơ huân sắc nội cung*, *Thơ ngày xuân chúc Thánh từ*, *Vịnh thu nguyệt*, *Vịnh mẫu đơn thịnh*

khai, *Vịnh lan hoa*, *Vịnh thủy tiên hoa*, *Vịnh mai*, *Vịnh bạch tuyết lê*, *Vịnh động Từ Thức* (bài 1, bài 2), *Tây Hồ tức cảnh* (bài 1, bài 2), *Đi hộ giá chơi chùa Vân Mộng*, *Vịnh hang núi Địch Lộng*, *Vịnh phong cảnh núi Dục Thúy* (Nguyễn Văn Tố, 1934). Đến năm 1943 trên tạp chí *Tri tân*, Nguyễn Văn Tố có nói về *Tâm thanh tồn duy tập*: “Duy có một điều ít người biết, là Trịnh Sâm có làm thơ Nôm, hiện trường Bác Cổ có sao được một tập là *Tâm thanh tồn duy* (...) *Tâm thanh tồn duy* chia làm bốn quyển: quyển thứ nhất họa vãn thơ của vua Lê hoặc của Trịnh Doanh, như bài “Vịnh tài đức” và bài “Mừng mưa phải thời”; quyển thứ hai ban cho các quan văn võ như: Liêu quận công mừng nhà mới và Khuê quận công về hưu; quyển thứ ba là gặp cảnh sinh tình như hai bài “Lãng ngâm” (ngâm chơi); quyển thứ tư vịnh vật, như bài “Vịnh con voi, Vịnh mở hòm ản” (Nguyễn Văn Tố, 1943: 8-9). Ở đây, Nguyễn Văn Tố cũng giới thiệu thêm 8 bài thơ: “Vịnh tài đức”, “Bài mừng mưa phải thời”, “Bài ban cho Liêu quận công mừng nhà mới”, “Ban cho Khuê quận công về hưu”, “Lãng ngâm (bài thứ nhất, bài thứ hai)”, “Bài Vịnh voi”, “Bài Vịnh mở hòm ản”. Ông cũng cho biết thêm về *Tâm thanh tồn duy tập*: “Có bốn quyển được 134 bài, phần nhiều là thơ quốc âm là lối Đường thi, 8 câu, mỗi câu 7 chữ, thỉnh thoảng cũng có một vài bài thơ 6 chữ, một vài bài tứ tuyệt; lại có bài thơ bằng quốc âm, mấy câu dẫn ở trên bằng chữ Hán” (Nguyễn Văn Tố, 1943: 17).

Sau năm 1945, trong các công trình thư mục, biên khảo, một số nhà nghiên cứu như Phạm Văn Diêu trong *Văn học Việt Nam - văn học sử, giảng văn*, Bùi Duy Tân trong *Tổng tập văn học Việt Nam* (Tập 7) ít nhiều có liệt kê, giới thiệu thi ca Trịnh Sâm. Cụ thể hơn, Trần Văn Giáp cho biết: “*Tâm thanh tồn duy tập* là tập thơ của chúa

Trịnh Sâm, làm từ khi còn là Thế tử, đến năm Cảnh Hưng thứ 18 (1757) đem soạn lại, chia làm 4 loại: 1. Thù phụng; 2. Ban tứ; 3. Cảm hứng; 4. Đề vịnh. Hai bản chép tay của Thư viện Khoa học xã hội (A.197 và AB. 376) phần lớn đều là thơ Nôm, cả hai đều cùng chép bài tựa của Phan Lê Phiên, đề tên là quan Bình chương họ Phan ở Đông Ngạc, viết năm Cảnh Hưng thứ 18 (1757)” (Trần Văn Giáp, 1990: 110). Trần Văn Giáp có sao lục lại bài “Tự tự” trong *Lịch triều hiến chương loại chí*. Rất tiếc ông lại không sao lục bài tựa của Phan Lê Phiên hay bất kỳ bài thơ nào.

Đến năm 2010, *Tứ bình thực lục thời chúa Trịnh* do Đinh Khắc Thuân chủ biên đã phiên âm, dịch nghĩa thêm nhiều bài thơ chữ Hán, chữ Nôm của Trịnh Sâm. Thơ chữ Hán có các bài: “Đề Tuyết Sơn động”, “Vịnh Bình Phong”, “Đề Hương Tích động”, “Sài Sơn di vịnh”, “Tiễn Nguyễn Hoàn trí sĩ”, “Đề Tượng sơn”, “Đề cổ thi nhất thủ”, “Đề Quyển Sơn”, “Cảm Thái miếu hữu thi vân”, “Đề Hưng Đạo Vương miếu”, “Vịnh Hùng Vương Sơn thi”, “Dục Thúy sơn”, “Trịnh vương vịnh hang Luồn”, “Đề Lão Sơn”. Còn thơ Nôm có các bài: “Ngự chế lạo hoàn dịch quốc âm thi”, “Vịnh mẫu đơn”, “Đăng Tuyết Sơn hữu hứng”, “Đề Hương Tích tự thi”, “Tây Hồ tức cảnh”, “Ngưu Lang đãi Chức Nữ thi”, “Giải thương”, “Thơ vịnh Sài Sơn”. Thơ khắc trên vách đá của Trịnh Sâm có các bài: “Phong Diêu Sơn động chi tác”, Tịnh thư “Cảm Vân” và “Trí Diêu” nhị đại tự, “Ngự chế đề Bạch Ác động”, “Hồ Công - Động đá”, “Ngự đề Chích Trợ sơn”, “Ngự chế đề Từ Thức động”, “Đề Vân Lỗi sơn”, “Nguyệt dạ phiếm chu quá Thần Phù”, “Đề Bằng Trình sơn tự”. Sách này còn sưu tầm nhiều câu đối, thư pháp của Trịnh Sâm đề trên các danh lam thắng tích (Đinh Khắc Thuân, 2010).

Về việc điền dã sưu tầm thơ văn hiện còn của chúa Trịnh Sâm, có đóng góp nổi bật của nhóm tác giả Võ Hồng Phi, Hương Nao. Nhóm tác giả đã sưu tầm bút tích Trịnh Sâm hiện còn trong những hang động, vách núi, nằm rải rác từ miền xuôi đến miền núi xứ Thanh, qua đó cho thấy một số thông tin khá lý thú và bổ ích về sự nghiệp thơ văn chúa Trịnh Sâm như: Xác định bút danh Nhật Nam nguyên chủ chính là Trịnh Sâm; Trịnh Sâm - tác giả 4 đại tự “Thanh kỳ khả ái” ở động Hồ Công nằm trên ngọn núi Xuân Đài, thuộc xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa; Tác giả chữ “Thần” ở núi Thần Phù là Trịnh Sâm; Bài thơ của Nhật Nam nguyên chủ đề ở động Từ Thức (Võ Hồng Phi, 2007)...

Ngoài ra, thơ ca Trịnh Sâm còn được chép trong các sách: *Bình Ninh thực lục*, *Minh Đô thi tuyển*, *Lê triều danh nhân thi tập*, *Trịnh gia chính phả* cũng như được chép lẫn với nhiều tác giả khác trong một số thi tập. Chẳng hạn, trong *Hồng Đức Quốc âm thi tập* có chép lẫn hai bài thơ “Ngưu Lang đãi Chức Nữ thi” và “Chức Nữ ức Ngưu Lang thi” của Trịnh Sâm.

Như vậy, những tác phẩm thơ ca của chúa Trịnh Sâm hiện còn không chỉ nằm trong các tập thơ văn Hán Nôm mà còn được ghi trong các bộ sử, sách địa chí, gia phả,... đặc biệt còn tồn tại ở các dạng thức tư liệu khác (bảng đồng, bia đá,...) nằm rải rác ở một số địa phương trong những điều kiện khác nhau. Vì vậy, việc thất tán, tàn khuyết, chưa được biết đến hay lẫn lộn là điều dễ xảy ra. Các nhà nghiên cứu đã nỗ lực khảo sát, sưu tầm tư liệu thơ ca của chúa Trịnh Sâm và đến nay đã đạt được những thành tựu nhất định về văn bản học. Tuy nhiên, so với các tác gia thuộc dòng văn Trịnh phủ, vấn đề văn bản thơ văn Trịnh Sâm khá phức tạp và còn nhiều điều đáng tiếc. Việc truy tìm, khôi phục lại toàn bộ

hoặc phần lớn trước tác của Trịnh Sâm là một nhiệm vụ và thách thức đối với chúng ta. Hy vọng, trong tương lai, sự tìm tòi ráo riết, rộng rãi hơn nữa cùng với cơ duyên của giới nghiên cứu sẽ cho kết quả khả quan hơn.

4. Giá trị thơ ca Trịnh Sâm

4.1. Thơ Nôm

Tâm thanh tồn duy tập là tập thơ Nôm nổi tiếng của chúa Trịnh Sâm nhưng nay đã thất lạc nguyên bản, chỉ còn lại những bài được Nguyễn Văn Tổ phiên âm từ trước năm 1945 như: “Vịnh thu nguyệt”, “Vịnh mẫu đơn thịnh khai”, “Vịnh lan hoa”, “Vịnh thủy tiên hoa”, “Vịnh mai”, “Vịnh bạch tuyết lê”, “Tây Hồ tức cảnh”, “Vịnh phong cảnh núi Dục Thúy”... Qua những bài thơ đề vịnh cảnh vật ngụ hứng đó, có thể thấy nhà thơ Trịnh Sâm có cái nhìn khám phá, lối miêu tả tinh vi, biểu hiện những rung cảm chân thực của một trí tưởng tượng phong phú, như khi nhà thơ miêu tả cảnh trăng mùa thu thi vị trong bài “Vịnh thu nguyệt”: “*Xuân lại hè qua trải bốn mùa,/ Giăng thanh ở bấy thuở giờ thu./ Gió vàng hây hây đưa hương quế,/ Gương ngọc lâu lâu giải bóng ngô./ Đứng đỉnh dù lòng ngoạn thưởng,/ Thờ lơ mặc thích hưu du./ Rõ ràng chút chẳng bề tư chiếu,/ Thảy thảy thu vào khắp chín thu*”. Hay bài “Vịnh mai” khá chải chuốt, bóng bảy: “*Tót muôn loài vốn nức danh,/ Có chiều quý giá, có chiều thanh./ Phau phau nhị kết giăng thưa bóng,/ Thoảng thoảng đưa hương tuyết dặm cành./ Dật hứng dễ xui khi ngọc chiếu,/ Linh đan thêm giúp thuở kim thành./ Lâng lâng rụng sạch hơi sương giá,/ Sớm hé cơ màu đức phát sinh*”. Thơ Nôm Trịnh Sâm khi viết về thiên nhiên mang tính hoài cổ, ngợi ca cảnh sông núi, chùa miếu, thiên nhiên, thời khắc rất hay,... bộc lộ cái thú thưởng ngoạn của bậc quân vương.

Ngoài ra, một số bài thơ Nôm của chúa Trịnh Sâm còn thể hiện cảm hứng đời tư. Chẳng hạn, bài “Giải thương” cho thấy sự đồng cảm và có chút tình tứ của tác giả với giai nhân là góa phụ. Lời thơ như những lời tâm sự, nhắn gửi tâm tình khá tự nhiên, giản dị và gần gũi: “*Ai dám thương đâu kẻ có chồng,/ Thương vì một nỗi để phòng không./ Thương con quốc nọ kêu mùa hạ,/ Thương cái bèo kia dạt bể đông./ Thương vợ chồng ngư duyên chênh mảng,/ Thương cha mẹ nhện phận long đong./ Lòng người quân tử thương là thế,/ Ai dám thương đâu khách má hồng*”. Hay chuyện tình Ngư Lang - Chức Nữ là câu chuyện cổ tích nhưng cũng là tâm sự của người trần thế được Trịnh Sâm diễn giải với nhiều đồng cảm trong bài “Ngư Lang đãi Chức Nữ thi”: “*Chở người cho khách lại Hà Tây,/ Khôn xiết nguồn cơn nổi đáy đây./ Nhập tiệc mặt ngừng chan giọt ngọc,/ Dùng dằng chân ngại bước đường mây./ Vẳng trông Cầu Thước sầu thêm chất,/ Đoái thấy Doanh Ngân thăm dễ đây./ Chầy kíp chín đành tan lại hợp,/ Thu sau càng thắm nữa thu này*”. Tìm nguồn đề tài trong truyền thuyết dân gian, lại chọn câu chuyện thân phận người phụ nữ gặp cảnh dang dở, thiết thòi trong tình duyên lứa đôi, nhà thơ đã thể hiện một cảm hứng nhân văn sâu lắng. Điều đáng nói là các bài thơ Nôm đó của Trịnh Sâm có thiên hướng giảm dần tính ước lệ, điển phạm, đi ngược lại âm hưởng ca tụng chung của ca cung đình, bộc lộ một giọng điệu trữ tình thay cho giáo huấn thuyết giảng, gợi mở những tâm tư sâu xa của tác giả, đem đến cho thơ màu sắc, âm hưởng của hiện thực đời sống.

Về mặt hình thức nghệ thuật, thơ Nôm Trịnh Sâm khá chải chuốt, điêu luyện và đa dạng. Đặc biệt, Trịnh Sâm cũng sáng tác thơ Nôm thất ngôn xen lục ngôn (hiện còn

4 bài: “Vịnh thu nguyệt”, “Vịnh động Từ Thúc” (bài 1), “Vịnh mai”, “Vịnh mẫu đơn thịnh khai”. Việc sáng tác thơ Nôm Đường luật thất ngôn xen lục ngôn được xem là một nỗ lực Việt hóa thơ Đường luật, là một hiện tượng độc đáo làm nên bản sắc thơ Nôm Đường luật Việt Nam thời trung đại nói chung, thơ Nôm Trịnh Sâm nói riêng. Về mặt hiệu quả thẩm mỹ, sự xuất hiện các câu lục ngôn trong bài thơ thất ngôn của Trịnh Sâm cũng có ý nghĩa nhất định. Nó tạo nên âm điệu, nhịp điệu (với cách ngắt nhịp đều 2/2/2 hay 3/3) chắc chắn, đều đặn hơn cho câu thơ, thấy được giọng điệu riêng của tác giả muốn nhấn mạnh. Ví dụ bài “Vịnh động Từ Thúc” (bài 1):

*Giữa áng non thần mở động tiên,
So vời thế giới lát ba nghìn.
Cánh xiêm gấm kết đòi làn rủ,
Cổ áo rêu mài mấy bậc lên.
Mây hợp ổ rồng phun nước,
Gió đưa khúc phượng vang lên.
Dấu xưa kỳ ngộ âu là đấy,
Giấy sạch trần ai chẳng bợn men.*

Về vần điệu, thơ Nôm chúa Trịnh Sâm đọc lên nhịp nhàng, du dương đầy nhạc tính như đặc trưng của thể thơ, chẳng hạn bài “Vịnh mẫu đơn thịnh khai” miêu tả vẻ đẹp tuyệt vời của hoa mẫu đơn:

*Nền đức vun trồng trải mấy sương,
Việc lành sớm ứng bách hoa vương.
Màu pho gấm kết đua muôn đoá,
Vẻ sánh sao bày rõ mấy hàng.
Rủ thêm lan, trắng rãi bóng,
Kể toàn ngọc, gió đưa hương.
Nhà xuân dễ bỏ điếm phồn thịnh,
Chu nhã lẫn xoang chữ lộng chương.*

Ngôn từ trong bài thơ súc tích, giàu sức biểu hiện và gợi cảm. Câu thơ thất ngôn xen lục ngôn, nhịp 3/3 với hai vế đối và lối đảo trang biểu hiện rõ đối tượng miêu tả. Tác giả không chỉ đơn thuần miêu tả vẻ đẹp

tuyệt vời của hoa mẫu đơn mà còn thể hiện được tình cảm mến yêu, trân trọng loài hoa thanh tao.

Về cách ngắt nhịp, đa số các bài thơ Nôm Đường luật thất ngôn của chúa Trịnh Sâm theo cách ngắt nhịp của thơ Đường (nhịp cơ bản là 4/3 hoặc biến thể là 2/2/3; 2/2/2/1). Nhưng cũng có bài có hiện tượng ngắt nhịp độc đáo: nhịp 3/4 và các biến thể của nó. Chẳng hạn bài “Vịnh Dịch Lộng phong cảnh”:

*Kham chi gây được điềm nhân giả,
Xuân bát thiên/ thu lại bát thiên.*

Hiện tượng ngắt nhịp này cũng được xem là một nỗ lực “Việt hóa” thơ luật Đường để xây dựng “lối thơ Việt Nam” hay “thi pháp Việt Nam” vì cách ngắt nhịp 3/4 phổ biến hơn trong các thể văn vần Việt Nam (tục ngữ, song thất lục bát, thơ hát nói,...).

4.2. Thơ chữ Hán

Thơ chữ Hán của Trịnh Sâm chủ yếu có trong *Minh đô thi tuyển* và còn lưu dấu tại nhiều danh lam thắng tích của đất nước như động Hương Tích, động Tiên Sơn, chùa Tuyết Sơn, núi Hình Bồng, núi Hối Hạc, động Từ Thúc, động Bạch Á, động Lục Vân, núi Vân Lỗi, núi Chích Trợ, động Hồ Công, động Diệu Sơn... Theo *Lịch triều hiến chương loại chí*: “Núi Chích Trợ ở ngoài biển Thần Phù, chót vót lởm chởm đứng một mình, trông như đèo gọt nhọn đi. Tỉnh vương Trịnh Sâm có đề thơ:

*Nhất vọng thương mang hải sắc thu,
Thiên tương Chích Trợ chường hoành lưu.*

*Cô cao như tước phù ngao cực,
Tùng trĩ vô song áp thận lâu.
Thập nhị hải môn tiểu chỉ trụ,
Tam thiên trần giới nhận Tiên châu.*

(Trông ra ngoài biển nước mênh mông một màu xanh biếc,/ Ai đem chiếc đũa chần ngang dòng nước./ Núi đứng cao một

mình nhẵn như đẻo gọt./ Chẳng khác gì cái cột bằng chân con ngao nổi lên giữa biển./ Cao chót vót một mình che lấp cả đám thên lâu hiện ra trên mặt biển./ Trong hai mươi cửa biển, duy chỗ này có núi cao lên như một cái cột đá./ Nhận thấy là một nơi cảnh tiên của ba nghìn thế giới) (Phan Huy Chú, 2007: 60-61).

Thơ chữ Hán Trịnh Sâm được viết theo các thể thơ Đường luật như thất ngôn tứ tuyệt, thất ngôn bát cú...; ngôn ngữ thơ tinh tế, hình ảnh giàu tính biểu tượng để diễn tả vẻ đẹp hùng vĩ, thơ mộng của thiên nhiên, đồng thời gửi gắm những suy tư, triết lý nhân sinh như: “Đề Tuyệt Sơn động”, “Vịnh Bình Phong”, “Đề Hương Tích động”, “Sài Sơn di vịnh”, “Đề Tượng sơn”, “Đề cổ thi nhất thủ”, “Đề Quyển Sơn”, “Vịnh Hùng Vương Sơn thi”, “Dục Thúy sơn”, “Đề Lão Sơn”... Những rung cảm tinh tế trước cảnh sắc thiên nhiên khiến từng ngọn núi, dòng sông, cửa biển, ngôi chùa, hang động... được tái hiện trong thơ ông mang vẻ đẹp lãng mạn, trữ tình. Về giọng điệu, thơ chữ Hán Trịnh Sâm kết hợp hài hòa giữa cảm xúc trữ tình và suy tư triết lý, vừa mang khẩu khí đế vương, vừa phảng phất nỗi u hoài nhân thế như bài “Đề vịnh động Hoa Lư” chép trong *Lịch triều hiến chương loại chí*:

*Sát luyện oanh hoi xuyên thủ động,
Trùng tiêu ngật nghiệp trĩ sơn quan.
Cương đô dĩ hĩ kinh di hoãn,
Thiên phủ y nhiên tự bão hoàn.*

(Dòng nước xuyên qua động coi như tấm lụa trắng quanh vòng,/ Núi cao sát từng mây, hình như cái cửa ải bằng đá./ Khu vực kinh đô cũ [của nhà Đinh tiền Lê] nay đã thay đổi hết rồi,/ Nước non nơi hiểm yếu này vẫn quanh bọc như cũ).

Ở ngôi chúa 15 năm (1767-1782), Trịnh Sâm tuần du khắp nơi, thường ngoạn

những danh lam thắng cảnh của đất nước. Qua mỗi nơi ông đều làm thơ đề vịnh và nhiều bài thơ chữ Hán đã khắc trên vách đá (lưu dấu đến ngày nay), thể hiện niềm tự hào về giang sơn hùng vĩ. Với những bài thơ đó, ông còn được tôn vinh là một nhà thơ tiêu biểu cho truyền thống “khắc thạch thi” của Việt Nam thời trung đại.

4.3. Thơ ca trù

Theo những ghi chép như *Vũ trung tùy bút* của Phạm Đình Hổ, *Tang thương ngẫu lục* của Phạm Đình Hổ và Nguyễn Ân, *Hoàng Lê nhất thống chí* của Ngô gia văn phái và truyền ngôn, Trịnh Sâm là người say mê ca trù và có sáng tác nhiều thơ ca trù. Tương truyền, ông chính là người sáng tạo ra lối “hát thông”, “hát đồn” (sau này lại có biến thể là phần “mưỡu cuối”) trong ca trù. Điều đặc biệt là những bài ca trù tương truyền của Trịnh Sâm thường có 2 phần: phần 1 là bài thơ chữ Hán thất ngôn bát cú; phần 2 là bài thông hay đồn theo thể lục bát. Nếu đúng như vậy thì Trịnh Sâm là người có đóng góp quan trọng cho sự phát triển của thơ ca trù nói chung và thơ hát nói về sau nói riêng. Những cứ liệu tương truyền về các tác phẩm thơ ca trù của Trịnh Sâm cho thấy ông là một tác giả tài hoa, lão luyện về thể loại này. Chẳng hạn, phần “đồn” trong bài thơ ca trù “Lưu Nguyễn tái đáo Thiên Thai bất phục kiến chư tiên nữ”:

*Non xanh khéo đúc nên bầu,
Xưa nay ai dễ đã hầu mà nên.
Kẻ trần phút gặp người tiên,
Lạ thay Lưu Nguyễn là duyên tình cờ.
Cung mây hẹn những bao giờ,
Vì đường hái thuốc bây giờ xe duyên.
Lâng lâng thế giới ba nghìn,
Một ngày cũng đã nên tiên lộ nhiều.
Non xanh đá tảng cheo leo,
Ai may thì gặp lộ gieo mình vào.*

Nếu xem đây là sáng tác của Trịnh Sâm thì phải nói rằng nghệ thuật thơ lục bát của Trịnh Sâm đã đạt đến mức độ điêu luyện. Đó cũng không phải là điều đáng ngạc nhiên với vị chúa tài hoa, uyên bác và cũng rất phong lưu này. Xét trên góc độ truyền thống của “dòng văn” (văn phái) họ Trịnh, điều đó cũng là hợp lý. Nghiên cứu của nhà thơ Ngô Văn Phú (2009) xác nhận các chúa Trịnh, đặc biệt chúa Trịnh Sâm rất yêu thích nghệ thuật ca trù và đã sáng tạo điệu thống trong ca trù. Ca trù được biểu diễn trong các buổi tiệc, lễ hội của triều đình Lê - Trịnh, trở thành một hoạt động giải trí thể hiện sự sang trọng, cao quý.

Ngoài ra, chúa Trịnh Sâm cũng viết từ khúc (theo quan niệm thời trung đại là một thể phụ của thơ). Sách *Bình Ninh thực lục* chép một bài từ bằng chữ Nôm của ông là “Ngự chế quốc âm từ khúc”. Bài từ này không sử dụng thể thơ lục bát hay song thất lục bát như các khúc ngâm thông thường mà viết theo lối văn biên ngẫu của thể phú.

5. Kết luận

Dù bị thất truyền nhiều nhưng đến nay di sản thơ ca chúa Trịnh Sâm để lại cho hậu thế vẫn còn những tác phẩm giá trị, hiện nằm rải rác trong các sách địa chí, lịch sử, các gia phả Trịnh tộc; bia đá,... ở nhiều danh lam thắng cảnh, nhất là ở xứ Thanh (quê hương các chúa Trịnh), nhưng tập trung nhiều hơn cả trong các thi tuyển, thi tập như *Minh Đô thi tuyển*, *Tâm thanh tồn duy tập*... Có lẽ vẫn còn một khoảng trống khá lớn về văn bản thơ ca của chúa Trịnh Sâm mà chúng ta chưa thể một sớm, một chiều giải quyết triệt để. Trên bình diện văn học sử, thơ ca Trịnh Sâm vẫn còn nhiều vấn đề phải nghiên cứu như: loại hình tác giả (thi nhân - vua chúa), khuynh hướng thơ ca (thơ ca cung đình), nội dung tư tưởng (văn hóa làm thơ trị nước của các chính khách,...), thi học (đóng góp về thi pháp, hình thức thể loại...). Nhưng

những vấn đề đó vượt qua giới hạn, phạm vi của bài viết này và là đối tượng của những công trình trong tương lai □

Tài liệu tham khảo

1. Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều hiến chương loại chí*, Tập 1, Tập 2, Tờ phiên dịch Viện Sử học dịch, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
2. Phan Trần Chúc (2000), *Tĩnh Đô vương và thời Lê mạt*, Tái bản, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
3. Trần Văn Giáp (1990), *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm - nguồn tư liệu văn học sử học Việt Nam*, Tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Võ Hồng Phi (Chủ biên, 2007), *Những bút tích Hán Nôm hiện còn ở các hang động, vách núi xứ Thanh*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
5. Ngô Văn Phú (2009), “Chúa Trịnh với ca trù”, trong: *Kỷ yếu hội thảo khoa học Trịnh Sâm - cuộc đời và sự nghiệp*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr. 194-204.
6. Quốc sử quán triều Lê (2012), *Đại Việt sử ký tục biên* [1676 - 1789], Ngô Thế Long, Nguyễn Kim Hưng dịch, Nguyễn Đồng Chi hiệu đính, Tái bản, Nxb. Hồng Bàng - Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.
7. Đinh Khắc Thuân (Chủ biên, 2009), *Tứ bình thực lục thời chúa Trịnh*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
8. Nguyễn Văn Tố (1934), “Poésies inédites de l'époque des Lê”, *Bulletin de la Société d'Enseignement Mutuel du Tonkin*, Tome XIV, No1, Janvier-Mars.
9. Nguyễn Văn Tố (1934), “Poésies inédites de l'époque des Lê”, *Bulletin de la Société d'Enseignement Mutuel du Tonkin*, Tome XIV, No2, Avril-Juin.
10. Nguyễn Văn Tố (1943), “Trịnh Sâm”, *Tạp chí Tri tân*, số 123, tr. 9-17.